

VỀ XÂY DỰNG HỒ SƠ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ TRÌNH UNESCO

NGUYỄN KIM DUNG*

Trong bài này, trước hết, chúng tôi điểm qua quá trình hình thành khái niệm di sản văn hóa phi vật thể và các danh sách di sản văn hóa phi vật thể của Tổ chức Khoa học, Giáo dục và Văn hóa của Liên Hợp Quốc (UNESCO); nêu mục đích, ý nghĩa của việc xây dựng hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể trình UNESCO đưa vào các danh sách, quy trình lập hồ sơ theo quy định của luật pháp Việt Nam về di sản văn hóa và hướng dẫn của UNESCO; cuối cùng là nêu lên một số khuyến nghị đối với nhiệm vụ này.

1. Quá trình hình thành khái niệm di sản văn hóa phi vật thể và các danh sách

Cho tới những thập niên cuối của thế kỷ XX, nhận thức về "di sản văn hóa" và tầm quan trọng của việc bảo vệ đã được nâng lên một bước quan trọng, qua việc UNESCO cho ra đời *Công ước về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới năm 1972* (còn gọi là Công ước 1972), thu hút sự tham gia của hàng trăm quốc gia trên thế giới. Song, khái niệm "di sản văn hóa" khi đó vẫn chỉ được hiểu đơn thuần là di sản vật thể, gồm những công trình kiến trúc lịch sử - văn hóa, danh lam, thắng cảnh, di vật, cổ vật đặc sắc của nhân loại. Mười bảy năm sau, một khía cạnh khác vô cùng quan trọng của đời sống con người, đó là "văn hóa truyền thống và văn hóa dân gian" mới được quan tâm ở tầm quốc tế, qua "Khuyến nghị" của UNESCO năm 1989 "về bảo vệ văn hóa truyền thống và văn hóa dân gian" (sau này mới được gọi là di sản văn hóa phi vật thể). Cùng với đó, quá trình triển khai Công ước 1972 đã giúp các nước nhận thấy, bên cạnh những giá trị vật chất có thể nhìn thấy và sờ mó được, "di sản văn hóa" còn hàm chứa những giá trị tinh thần, chỉ có thể cảm nhận chứ không nhìn hay sờ mó được, nhưng nó lại

chính là "cái hồn" của di sản. Từ đó, khái niệm "di sản văn hóa phi vật thể" ra đời và được chính thức pháp lý hóa bằng một văn kiện quốc tế quan trọng. Đó là *Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO năm 2003* (còn gọi là Công ước UNESCO năm 2003), một trong những Công ước nhận được sự quan tâm của nhiều quốc gia và sớm phát huy hiệu quả nhất của UNESCO.

Với mục đích tăng cường nhận thức về tầm quan trọng của di sản văn hóa truyền khẩu và phi vật thể cùng với việc phát huy các giá trị của chúng trên thế giới; UNESCO khuyến khích thực thi các cơ chế, chính sách bảo vệ; khuyến khích sự tham gia của các chủ thể văn hóa (còn gọi là báu vật nhân văn sống và người kế thừa) không ngừng duy trì sự tồn tại và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể của họ, trong thời gian chờ Công ước 2003 có hiệu lực (sau khi có đủ 30 nước tham gia), từ năm 2001 đến năm 2005, UNESCO đã triển khai Chương trình công bố Kiệt tác di sản truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại (*Proclamation of Masterpieces of the Oral and Intangible Heritage of Humanity*), được xét chọn hai năm một lần. Qua 03 kỳ xét chọn (2001, 2003 và 2005), đã có 150 hồ sơ của 100 quốc gia thành viên UNESCO tham gia. Và, kết quả là, 90 biểu đạt văn hóa và không gian văn hóa của 70 Quốc gia đã được vinh danh là Kiệt tác di sản truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại.

Sau đó, từ ngày 20 tháng 4 năm 2006, Công ước UNESCO 2003 chính thức có hiệu lực. Trong văn kiện Công ước, Phần I (Những quy định chung) nêu mục đích của Công ước và định nghĩa về di sản văn hóa phi vật thể với một cách tiếp cận hoàn toàn mới mẻ là, đặt chủ thể văn hóa và cộng đồng vào vai trò trung tâm; Phần II quy định về các cơ quan và cơ chế hoạt động của Công ước; Phần III quy định trách nhiệm của các quốc gia thành viên "phải có

* Cục Di sản văn hóa

các biện pháp bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của mình ở cấp quốc gia" và Phần IV là những quy định về các biện pháp bảo vệ ở cấp quốc tế, trong đó có quy định về việc lập Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại "Representative List of Intangible Cultural Heritage of Humanity" (Điều 16), Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp "List of Intangible Cultural Heritage in need of Urgent Safeguarding" (Điều 17) và Đăng ký các chương trình, dự án và hoạt động phản ánh tốt nhất các nguyên tắc và mục tiêu của Công ước "Register of Practices best reflect the Principles and Objectives of the Convention" (Điều 18). Tại khoản 1 Điều 31 Công ước này còn quy định: "Ủy ban sẽ đưa vào Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại những di sản được công bố là Kiệt tác di sản truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại khi Công ước này có hiệu lực". Theo đó, việc Công bố Kiệt tác di sản truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại chấm dứt và những di sản văn hóa phi vật thể thuộc Danh sách Kiệt tác đã được sáp nhập vào Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại sau khi bản "Hướng dẫn hoạt động" của Ủy ban Liên chính phủ của Công ước 2003 được Đại Hội đồng thông qua và bắt đầu có hiệu lực từ tháng 6 năm 2008.

Vậy, có gì khác nhau giữa Danh sách Di sản thế giới của Công ước 1972 (World Heritage List) với Danh sách Kiệt tác và 03 danh sách nêu trên của Công ước 2003?

Điểm khác nhau cơ bản là ở chỗ, Danh sách Kiệt tác và 03 danh sách của Công ước 2003 đều đã được xây dựng dựa trên mô hình của Danh sách Di sản thế giới. Tuy nhiên, có hai tiêu chí cơ bản nhất để lựa chọn di sản cho Danh sách Di sản thế giới là: "giá trị ngoại hạng, nổi bật toàn cầu" (outstanding universal values) và "tính nguyên gốc" (authenticity) vẫn còn có ảnh hưởng ít nhiều trong bộ tiêu chí lựa chọn của Chương trình Công bố Kiệt tác nhưng đối với 03 danh sách của Công ước 2003 thì chúng đã được loại bỏ, bởi khác với di sản vật thể ở tính chất cố định và tương đối ổn định, di sản văn hóa phi vật thể mà Công ước 2003 và Luật di sản văn hóa của Việt Nam định nghĩa là sản phẩm tinh thần do con người sáng tạo, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được cộng đồng thừa nhận là bản sắc văn hóa của họ, không ngừng được tái tạo và trao truyền qua nhiều thế hệ. Di sản văn hóa phi vật thể là di sản sống nên có thể biến động. Vì vậy, khó có thể

xác định "tính nguyên gốc" như đối với di sản vật thể. Mặt khác, khi xác định "giá trị ngoại hạng, nổi bật toàn cầu" sẽ dẫn đến sự so sánh hơn kém và "mọi sự phân biệt đẳng cấp về tầm quan trọng hay giá trị của di sản theo cách đối với di sản vật thể đều không thích hợp đối với di sản văn hóa phi vật thể. Di sản văn hóa phi vật thể của mỗi một cộng đồng đều quan trọng đối với cộng đồng đó. Một nguyên tắc của sự tôn trọng bình đẳng và đa dạng văn hóa là nếu đem so sánh và xếp hạng di sản của một cộng đồng này giá trị hơn hay kém di sản của một cộng đồng khác là không thích đáng"¹. Đây là một bước thay đổi căn bản trong nhận thức về di sản văn hóa phi vật thể và đây cũng là lý do chính của sự ra đời các danh sách của Công ước UNESCO 2003 (được xét chọn hằng năm) thay thế cho Chương trình công bố kiệt tác trước đây.

2. Mục đích và ý nghĩa của việc lập hồ sơ trình UNESCO đưa vào các danh sách di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại

Điều 16 Công ước 2003 có nêu: "Nhằm đảm bảo tầm nhìn rõ ràng hơn về di sản văn hóa phi vật thể và ý thức về tầm quan trọng của chúng; đồng thời khuyến khích đối thoại trên cơ sở tôn trọng đa dạng văn hóa, căn cứ những đề nghị của các quốc gia thành viên, Ủy ban phải thiết lập, cập nhật và công bố Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại"; Điều 17 Công ước nêu: "Với quan điểm thực hiện các biện pháp bảo vệ thích hợp, Ủy ban cần phải thiết lập, cập nhật và xuất bản Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp và sẽ đưa những di sản loại này vào danh sách theo yêu cầu của các quốc gia thành viên" và Điều 18 Công ước cũng nêu: "Trên cơ sở đề xuất của các quốc gia thành viên, theo các tiêu chí do Ủy ban quy định và được Đại Hội đồng thông qua, theo định kỳ, Ủy ban phải lựa chọn và thúc đẩy các chương trình, dự án và các hoạt động bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể ở cấp quốc gia, tiểu vùng và vùng theo đúng các nguyên tắc và mục tiêu của Công ước, có lưu ý đến những nhu cầu đặc biệt của các nước đang phát triển". Các điều khoản trên đã chỉ rõ mục đích, ý nghĩa và chức năng của các danh sách của Công ước và đó chính là những công cụ pháp lý vững chắc để thực hiện những biện pháp hữu hiệu bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể. Như vậy, việc lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể để trình UNESCO đưa vào các danh sách này chính là một biện pháp nhằm nâng tầm quảng bá và bảo vệ di

sản văn hóa phi vật thể của mỗi quốc gia lên tầm quốc tế.

Với cách tiếp cận sâu sắc, toàn diện và mục tiêu bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể trên quan điểm coi trọng cộng đồng chủ thể văn hóa, những biện pháp bảo vệ đưa ra vừa cụ thể vừa có tính thực tiễn cao, Công ước UNESCO 2003 được coi là một Công ước rất tiến bộ. Chính vì vậy, tính đến ngày 17 tháng 4 năm 2012, Công ước này đã có 143 nước tham gia, làm cho hoạt động bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể trên thế giới trở nên sôi động hơn bao giờ hết.

Tháng 10 năm 2009, kỳ họp lần thứ 4 của Ủy ban Liên Chính phủ Công ước UNESCO 2003 (diễn ra tại Abu Dhabi, thủ đô Các Tiểu Vương quốc Ả Rập Thống nhất) đánh dấu mốc hoạt động chu kỳ thứ nhất của Công ước bằng cuộc xét chọn đợt đầu tiên cho 03 danh sách nói trên của Công ước.

- Danh sách Đại diện: Cùng với 90 kiệt tác di sản truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại đã được sáp nhập vào Danh sách Đại diện năm 2008; năm 2009 có 76 di sản, năm 2010 có 47 di sản và năm 2011 có 19 di sản được lựa chọn đưa vào Danh sách Đại diện, nâng tổng số di sản văn hóa phi vật thể của danh sách này lên con số 232 di sản (tính đến tháng 11 năm 2011).

- Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp: Năm 2009 có 12 di sản, năm 2010 có 04 di sản và năm 2011 có 11 di sản được UNESCO đăng ký vào Danh sách Khẩn cấp. Tổng số di sản văn hóa phi vật thể trong danh sách này tính đến nay là 27 di sản.

- Đăng ký các chương trình, dự án và hoạt động phản ánh tốt nhất các nguyên tắc và mục tiêu của Công ước: Công tác này của các quốc gia thành viên còn rất hạn chế. Kỳ xét đầu tiên cho Danh sách này là: năm 2009, Ủy ban chỉ nhận được 05 hồ sơ để cử và đã chọn được 03 di sản. Năm 2010 không có để cử nào. Năm 2011 xét được 05 trường hợp, nâng tổng số tính đến nay là 08 chương trình, dự án và hoạt động được công nhận.

3. Tình hình triển khai việc lập hồ sơ trình UNESCO ở Việt Nam và một số thách thức hiện nay

3.1. Tình hình triển khai

Để triển khai lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể trình UNESCO, chúng ta đã có một cơ sở pháp lý vững chắc, đó là *Luật di sản văn hóa* (năm 2001) và *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn*

hóa (năm 2009), trong đó, Điều 19 quy định: việc "... để nghị Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam là Di sản văn hóa thế giới...". Nhận thức rõ ý nghĩa của việc lập hồ sơ trình UNESCO đưa vào các danh sách của Công ước 2003, được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ, từ năm 2003 đến nay, các cơ quan chức năng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Bộ, ngành liên quan đã cùng các địa phương tích cực nghiên cứu, lựa chọn di sản văn hóa phi vật thể để xây dựng hồ sơ trình UNESCO và đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, cụ thể như sau:

Di sản văn hóa phi vật thể Âm nhạc cung đình Việt Nam - Nhã nhạc triều Nguyễn đã được UNESCO công nhận là Kiệt tác di sản truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại năm 2003 và Không gian Văn hóa Cổong chiêng Tây Nguyên được công nhận năm 2005. Sau đó, hai kiệt tác di sản này đã được sáp nhập vào Danh sách Đại diện năm 2008 theo quy định của Công ước.

Đợt xét chọn đầu tiên tại kỳ họp lần thứ 4 của Ủy ban Liên Chính phủ tại Abu Dhabi năm 2009, cả hai di sản mà Việt Nam đệ trình đều đã được ghi danh, đó là: Hát Ca trù (vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp) và Dân ca Quan họ Bắc Ninh (vào Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại). Tiếp đó, vào đợt xét thứ hai tại kỳ họp lần thứ 5 của Ủy ban tại Nairobi, Kenya, năm 2010, Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc được UNESCO vinh danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và tại kỳ họp lần thứ 6 của Ủy ban tại Bali, Indonesia, tháng 11 năm 2011, Hát Xoan Phú Thọ được ghi danh vào Danh sách Khẩn cấp với số phiếu tuyệt đối. Tháng 3 năm 2011, Việt Nam đã trình 02 hồ sơ lên UNESCO, gồm Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam bộ và Tín ngưỡng Thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ. Do trước đó, UNESCO có quy định mới về việc hạn chế số lượng hồ sơ xem xét của mỗi năm (mỗi nước chỉ được xét 01 hồ sơ) nên hiện nay, chỉ có Hồ sơ Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ đang được xem xét và sẽ có kết quả tại kỳ họp Ủy ban lần thứ 7 tại Grenada vào tháng 11 năm 2012.

3.2. Những thách thức

Trải qua 05 đợt xét, Việt Nam đã có 06 hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể trình UNESCO thành công trên tổng số 08 hồ sơ đã lập (02 hồ sơ đang chờ

xem xét). Tuy vậy, quy định của UNESCO về việc lập hồ sơ đã có sự điều chỉnh, thay đổi qua từng thời kỳ nên đối với Việt Nam chúng ta, việc lập hồ sơ để trình UNESCO đưa vào các danh sách là một nhiệm vụ quan trọng nhưng cũng như đối với nhiều quốc gia thành viên khác, kinh nghiệm triển khai vẫn chưa nhiều và còn không ít khó khăn, thách thức.

Thách thức thứ nhất là, sự hạn chế trong nhận thức một cách đầy đủ về các khái niệm và năng lực nhận diện giá trị di sản văn hóa phi vật thể, hạn chế trong nhận thức về mục tiêu của Công ước UNESCO 2003 cũng như về mục đích, chức năng của các danh sách của Công ước. Không riêng ở nước ta, điều này có thể thấy rõ qua việc một số nước để cử sai di sản (không ít hồ sơ đã bị loại vì di sản đề cử không đáp ứng đúng Tiêu chí 1 như định nghĩa tại Điều 2 của Công ước²) và sự quá chênh lệch về tỷ lệ đề cử vào hai danh sách: "Khẩn cấp" và "Đại diện". Cụ thể: năm 2009, số hồ sơ đề cử vào Danh sách Khẩn cấp chỉ chiếm khoảng 13,5% so với tổng số hồ sơ đề cử vào Danh sách Đại diện gửi tới UNESCO (15/111 hồ sơ) và sang năm 2010 thì tỷ lệ rớt xuống chỉ còn khoảng 2,7 % (4/147 hồ sơ) và không có hồ sơ nào đệ trình vào Danh sách Đăng ký các chương trình, dự án và hoạt động phản ánh tốt nhất các nguyên tắc và mục tiêu của Công ước. Ngoài nguyên nhân hạn chế về nhận thức còn có nguyên nhân về tâm lý cho rằng, danh hiệu "đại diện" vinh dự hơn "bảo vệ khẩn cấp" và hầu hết các nước đều lấy mục đích đưa di sản văn hóa phi vật thể của mình vào Danh sách Đại diện để được quảng bá và tôn vinh ở tầm quốc tế làm trọng, trong khi đó, mục đích chính của Công ước lại là nhằm bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể khỏi nguy cơ mai một, qua đó tôn trọng và đảm bảo sự đa dạng văn hóa trên thế giới.

Thứ hai, có sự chênh lệch đáng kể về số lượng hồ sơ đề cử của các nước giàu và các nước nghèo cũng như sự phân bố không đều về mặt địa lý của các quốc gia có hồ sơ trình. Trong số các quốc gia thành viên có nền kinh tế vững mạnh, một số nước đã lập đến mấy chục hồ sơ đệ trình và đã có nhiều di sản được ghi danh vào các danh sách, trong khi vẫn còn một số nước chưa tham gia Công ước và còn nhiều nước chưa có hoặc có ít di sản đề cử. Như vậy, mục tiêu tôn trọng sự bình đẳng và đa dạng văn hóa của Công ước chưa thực hiện được. Vì vậy, tại kỳ họp lần thứ tư của Đại Hội đồng Công ước UNESCO 2003 (diễn ra từ ngày 4-8/6/2012 tại Paris)

đã có quyết định về việc phải có mức trần về số lượng hồ sơ xem xét mỗi năm (do Ủy ban quyết định và thông báo trước ít nhất hai năm để các quốc gia thành viên có kế hoạch chuẩn bị). Số lượng trần này (khoảng 60 hồ sơ) được quyết định theo hướng cố gắng để mỗi nước có một hồ sơ được xem xét, nhưng sẽ áp dụng các tiêu chí ưu tiên: 1) ưu tiên cho hồ sơ của quốc gia chưa có di sản nào được đăng ký, chưa có dự án hay đề nghị trợ giúp trên 25.000 USD được chấp thuận và ưu tiên cho hồ sơ đăng ký vào Danh sách Khẩn cấp; 2) ưu tiên cho hồ sơ đa quốc gia; 3) ưu tiên cho hồ sơ của các quốc gia có số lượng ít nhất di sản được đăng ký trong các danh sách của UNESCO. Trong trường hợp quốc gia nào gửi hơn một hồ sơ trong cùng một kỳ xét thì phải xác định thứ tự ưu tiên cho hồ sơ muốn được Ủy ban xem xét.

Thứ ba, chính vì sự hiểu biết về khái niệm di sản văn hóa phi vật thể của nhiều người chưa thật sâu sắc, đầy đủ nên khả năng nhận diện các giá trị của di sản văn hóa phi vật thể còn nhiều bất cập. Ở nước ta, nhận thức về vai trò trung tâm của cộng đồng chủ thể văn hóa chưa thật đầy đủ. Vì vậy, vẫn còn hiện tượng thiếu tin tưởng và làm thay, thậm chí quyết định thay cộng đồng. Trong trường hợp đó, chủ thể văn hóa vẫn chỉ được coi là đối tượng nghiên cứu hoặc chỉ đơn thuần để trả lời phỏng vấn, cung cấp thông tin chứ chưa thực sự được tham gia một cách chủ động ngay từ đầu và vào mọi hoạt động của chương trình/dự án bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của chính họ như yêu cầu của UNESCO. Tư tưởng này sẽ không tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia được nhiều vào quá trình lập hồ sơ trình UNESCO. Bên cạnh đó, sự hạn chế trong nhận thức của cộng đồng về giá trị của di sản văn hóa phi vật thể mà họ nắm giữ, về tầm quan trọng của việc phải bảo vệ di sản để giữ gìn bản sắc văn hóa cộng đồng, dân tộc cũng như về vai trò của họ trong việc duy trì và trao truyền di sản cũng là một thách thức lớn, đòi hỏi công tác tuyên truyền, quảng bá và đào tạo phải được tăng cường mạnh hơn nữa.

Một thách thức nữa không thể không nhắc tới, nhất là đối với nước ta hiện nay là, sự thiếu hụt nghiêm trọng về nguồn lực cán bộ có trình độ chuyên môn và năng lực quản lý về di sản văn hóa phi vật thể cũng như sự hạn chế về tài chính và phương tiện kỹ thuật đủ đảm bảo quy chuẩn chất lượng cho các tài liệu phim, ảnh như đòi hỏi của hồ

sơ để cử. Vấn đề này cần có sự quan tâm đầu tư kinh phí của quốc gia cùng với một chiến lược đào tạo nguồn lực cho lâu dài, kết hợp với việc đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ di sản văn hóa, huy động tối đa sự tham gia, đóng góp của cộng đồng.

Phần sau đây chúng tôi sẽ trình bày một số nội dung cơ bản và những điểm cần lưu ý trong quy trình, thủ tục và cách lập hồ sơ theo quy định của Pháp luật Việt Nam về bảo vệ di sản văn hóa và theo hướng dẫn lập hồ sơ gần đây nhất của UNESCO.

4. Quy trình, thủ tục lập hồ sơ trình UNESCO

Ở Việt Nam, quy trình, thủ tục lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể trình UNESCO được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

4.1. Quy định về hồ sơ

"Hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu trình Thủ tướng Chính phủ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị của cộng đồng hoặc cá nhân nắm giữ di sản văn hóa phi vật thể và văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu được lập theo quy định của UNESCO³;

c) Văn bản thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia;

d) Văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ.

Quy trình, thủ tục lập và gửi hồ sơ:

Trên cơ sở kết quả kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể của địa phương, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu việc lựa chọn những di sản văn hóa phi vật thể đáp ứng được các tiêu chí quy định tại Điều 6 của Nghị định 98/2010/NĐ-CP⁴ với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). Sau khi có quyết định về việc lựa chọn, "Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản gửi Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để đề nghị Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ cho phép lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu trình UNESCO.

Sau khi được phép của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu và gửi về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và các Bộ, ngành có liên quan tổ chức

thẩm định và đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia có ý kiến về hồ sơ. Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia tiến hành thẩm định và có ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ; Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hoàn thiện các thủ tục để gửi hồ sơ tới UNESCO theo quy định". Theo quy định mới của UNESCO, hạn nộp hồ sơ cho tất cả các loại danh sách, kể cả các đơn xin hỗ trợ quốc tế trên 25,000 USD là 31 tháng 3 hằng năm.

Các bước triển khai lập hồ sơ cụ thể:

- Sau khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho phép lập hồ sơ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại địa phương có di sản tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định thành lập Ban chỉ đạo và Ban triển khai lập hồ sơ; lập Kế hoạch triển khai và dự toán kinh phí trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt sau khi đã có ý kiến thỏa thuận của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Ban triển khai lập hồ sơ thông báo quyết định cho phép lập hồ sơ của Thủ tướng Chính phủ tới cộng đồng có di sản và tổ chức để cộng đồng tham gia vào quá trình lập hồ sơ như: tham dự tập huấn và kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể phục vụ việc lập hồ sơ, nhận diện các giá trị và tình trạng/sức sống của di sản, thực hành di sản để quay phim, chụp ảnh đưa vào hồ sơ; thảo luận các biện pháp bảo vệ cho Kế hoạch hành động trong hồ sơ và cam kết bảo vệ di sản... Đây là phần việc cần thiết và rất quan trọng, vì nó giúp nâng cao nhận thức và năng lực nhận diện chức năng, giá trị và sức sống của di sản trong hiện tại, giúp quá trình kiểm kê được thuận lợi, nhanh chóng hơn, thông tin thu thập chuẩn xác và hữu ích hơn cho hồ sơ. Trong số hàng chục mục nội dung cần cung cấp thông tin trong mẫu hồ sơ của UNESCO thì các hoạt động trên nằm trong mấy mục trọng tâm nhất là: Tình trạng của di sản, sự tham gia của cộng đồng và kế hoạch bảo vệ di sản.

- Đồng thời với các hoạt động trên, Ban triển khai lập hồ sơ tổ chức nghiên cứu các tài liệu liên quan tới di sản, thu thập thêm thông tin, tư liệu cần thiết và quan trọng nhất là căn cứ kết quả kiểm kê để viết hồ sơ và hoàn thiện các tài liệu bắt buộc kèm theo gồm: phim, ảnh theo yêu cầu về nội

dung, số lượng, thời lượng và chất lượng kỹ thuật của UNESCO. Sau khi hoàn thành bước 1, hồ sơ viết và các tài liệu trên phải được các chuyên gia góp ý kiến để chỉnh sửa (thường là phải hai, ba lần) để hoàn thiện rồi mới gửi tới Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia xin ý kiến thẩm định trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép gửi đi.

4.2. Một số điểm cần lưu ý khi điền hồ sơ

- Nghiên cứu Mẫu hồ sơ và Hướng dẫn điền mẫu của UNESCO thật kỹ lưỡng để đảm bảo thực hiện đúng và đủ các quy định của hồ sơ:

- Điền đầy đủ tất cả các mục thông tin, cung cấp thông tin ngắn gọn, chính xác, đúng nội dung yêu cầu và bản tiếng Anh và/hoặc tiếng Pháp tuyệt đối không được vượt quá số chữ ở những mục có quy định.

- Đảm bảo đúng quy định về hình thức trình bày, kiểu chữ, cỡ chữ, cách đóng tập,...

- Kế hoạch hành động cần được xây dựng thật cụ thể với các mục tiêu rõ ràng, có các biện pháp, kế hoạch triển khai, cơ quan chủ trì, nguồn lực tham gia (lưu ý phải có sự tham gia của cộng đồng) và dự toán kinh phí cụ thể để thực hiện các mục tiêu đã đưa ra. Tóm lại, phải đưa ra một kế hoạch có tính khả thi để đảm bảo rằng di sản này sẽ được bảo vệ bền vững khỏi nguy cơ mai một.

- Việc dịch hồ sơ viết và các tài liệu phụ trợ sang tiếng Anh và/hoặc tiếng Pháp là bắt buộc và là một việc quan trọng không kém các công việc khác của quá trình lập hồ sơ vì cho dù hồ sơ viết bằng tiếng Việt có tốt đến mấy nhưng nếu không chuyển tải thật tốt sang ngôn ngữ làm việc của UNESCO là tiếng Anh và/hoặc tiếng Pháp thì cũng không có tác dụng vì Ban thẩm định hồ sơ và Ủy ban Liên chính phủ sẽ không hiểu được đầy đủ để đánh giá. Vì vậy, cần chọn người dịch có đủ năng lực, kinh nghiệm trong việc biên dịch và có hiểu biết chuyên môn. Khi hồ sơ đã tương đối hoàn thiện phải bắt tay ngay vào việc dịch dẫn tài liệu thì mới kịp thời gian. Bản dịch phải được hiệu đính kỹ càng, nhiều lần và tốt nhất là có chuyên gia bản ngữ am hiểu về chuyên ngành cùng tham gia hiệu đính.

- Cuối cùng, hồ sơ chính thức bằng tiếng Anh và/hoặc tiếng Pháp phải có chữ ký gốc của người có thẩm quyền đại diện cho quốc gia thành viên (ở nước ta là Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch); đảm bảo nộp đúng hạn và đúng địa chỉ quy định trong mẫu hồ sơ của UNESCO.

5. Kết luận và khuyến nghị

Như đã phân tích ở phần trên, việc lập hồ sơ trình UNESCO đưa vào các danh sách có ý nghĩa vô cùng quan trọng, vì nó giúp nâng cao nhận thức về di sản và thu hút sự quan tâm bảo vệ không chỉ ở tầm quốc gia mà cả ở tầm quốc tế. Công việc này đã được các quốc gia thành viên, trong đó có Việt Nam hưởng ứng triển khai và đạt những kết quả đáng khích lệ, góp phần bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại. Tuy nhiên, công việc này cũng đang phải đối mặt với những mâu thuẫn và thách thức nảy sinh trong quá trình thực hiện, như sự mất cân đối về số lượng hồ sơ để cử giữa các nước và phân bố không cân đối về mặt địa lý, về tỷ lệ để cử vào các danh sách, sự hạn chế về nhận thức, thiếu hụt về nguồn lực cán bộ được đào tạo bài bản và có năng lực,...

Để giải quyết những mâu thuẫn này, UNESCO đang phải nỗ lực tìm cách khuyến khích các nước chưa gia nhập Công ước, các quốc gia thành viên chưa có hoặc có ít di sản đăng ký và đặc biệt là khuyến khích các quốc gia thành viên chú trọng bảo vệ những di sản văn hóa phi vật thể đang có nguy cơ mai một bằng cách để cử vào Danh sách Khẩn cấp. Một số trong những biện pháp giải quyết đó của UNESCO là nâng cao nhận thức và cung cấp hỗ trợ quốc tế từ Quỹ Di sản văn hóa phi vật thể⁵.

Đối với nước ta, trong số 8 hồ sơ ta đã lập để trình UNESCO, chỉ có 01 di sản là Không gian Văn hóa Công cộng Tây Nguyên là di sản của các dân tộc thiểu số (tỷ lệ 12,5%) và 02 hồ sơ đệ trình vào Danh sách Khẩn cấp là Hát Ca trù và Hát Xoan Phú Thọ (chiếm 25%). Tỷ lệ này có khá hơn so với tỷ lệ chung của thế giới, tuy vậy, vì mục đích bảo vệ di sản văn hóa của dân tộc và nhằm tranh thủ cơ hội nâng cao hiểu biết của cộng đồng quốc tế về hình ảnh đất nước nói chung và về di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc của Việt Nam nói riêng, trong những năm tới, chúng ta cần quan tâm nhiều hơn đến việc lựa chọn di sản văn hóa phi vật thể lập hồ sơ trình UNESCO đưa vào các danh sách, đặc biệt là các di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ mai một để cử vào Danh sách cần bảo vệ khẩn cấp⁶. Đến đây, chúng tôi muốn lưu ý thêm một khía cạnh thực tế rằng, nguy cơ đe dọa sự tồn tại của di sản văn hóa phi vật thể không chỉ biểu hiện ở những chỉ số dễ nhận biết, như ít hoặc không được thực hành, mai một về tri thức, kỹ năng thực hành di sản hay sự biến mất của những thành tố quan trọng của di sản, như bí quyết, kỹ thuật, bài bản cổ... mà ngược lại, còn có cả những nguy cơ mai một rất khó nhận

biết, cần phải phát hiện ở những trường hợp di sản bỗng nhiên được phát triển rầm rộ, biến đổi quá nhanh, thực hành quá phổ biến để phục vụ du lịch hay một mục đích nhất định nào đó một cách bất hợp lý đến mức bị biến dạng. Trong điều kiện kinh tế hiện nay của ta còn nhiều khó khăn và trước tình hình chung là UNESCO đang có chủ trương hạn chế số lượng để cử: mỗi nước chỉ được xét một di sản và dành ưu tiên hơn cho những nước chưa có hoặc có ít di sản để cử, chúng tôi thiết nghĩ, để phù hợp với quyết định mới của UNESCO, chúng ta cũng cần xem xét về số lượng hồ sơ để cử, ưu tiên tối đa cho Danh sách Khẩn cấp, ưu tiên cho di sản thuộc các nhóm dân tộc thiểu số, lưu ý hơn tới các loại hình chưa được quan tâm nhiều, như tiếng nói, chữ viết; ngữ văn dân gian; tập quán xã hội và tín ngưỡng; nghề thủ công truyền thống và tri thức dân gian và quan tâm tới khả năng hợp tác với các quốc gia trong khu vực có văn hóa tương đồng để xây dựng hồ sơ đa quốc gia trình UNESCO.

Cuối cùng, muốn di sản văn hóa phi vật thể được gìn giữ và phát huy một cách bền vững bởi chính cộng đồng và trong chính môi trường văn hóa đã sinh ra nó, chúng tôi thiết nghĩ, ngoài những biện pháp khác, cần có một Quỹ Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể bằng nguồn vốn của nhà nước và một phần từ nguồn xã hội hóa để hỗ trợ thiết thực cho các nghệ nhân trao truyền di sản cho thế hệ trẻ và tổ chức các hoạt động trình diễn, giới thiệu, tham gia giao lưu, lễ hội,... Đây cũng là một mô hình mà một số nước như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc... đã vận dụng từ lâu và rất có hiệu quả trong thực tiễn. UNESCO cũng đang khuyến khích các quốc gia thành viên đệ trình các dự án bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể dựa trên cộng đồng (dự án do cộng đồng thực hiện hoặc huy động được sự tham gia tích cực của cộng đồng) và các đề xuất hỗ trợ hoàn thiện hồ sơ đệ trình vào Danh sách Khẩn cấp và hồ sơ Đăng ký là thực hành phản ánh tốt nhất các nguyên tắc và mục tiêu của Công ước, xin hỗ trợ quốc tế từ nguồn Quỹ Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO. Thực tế là, Việt Nam đã được nhận tài trợ của UNESCO cho Dự án bảo tồn Âm nhạc cung đình Việt Nam - Nhã nhạc (Huế) (khoảng 140.000 USD) và tài trợ của Chính phủ Na Uy thông qua UNESCO cho Dự án "Kế hoạch hành động bảo tồn Không gian Văn hóa Công cộng Chiêng Tây Nguyên tỉnh Đắk Nông" (hơn 90.000 USD). Cục Di sản văn hóa cũng đã hai lần trợ giúp các đơn vị, địa phương

chuẩn bị, gửi đề xuất. Và, cả hai lần đó đều đã được UNESCO hỗ trợ trong việc hoàn thiện hồ sơ: Hát Ca trù (2008) và hồ sơ Hát Xoan Phú Thọ (2010).

Theo quy định của UNESCO, những đề nghị hỗ trợ quốc tế với mức dưới 25.000 USD có thể nộp hồ sơ trình UNESCO bất cứ thời điểm nào. Chúng tôi hy vọng các cấp quản lý, các đồng nghiệp và các bạn quan tâm tới những vấn đề nêu trên.

N.K.D

Chú thích:

1- Trích ý kiến của bà Cécile Duvelle, Thư ký Công ước UNESCO 2003, Trưởng Ban Di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO đã nêu trong thư gửi Cục Di sản văn hóa ngày 29 tháng 5 năm 2009.

2- "Di sản văn hóa phi vật thể" được hiểu là các tập quán, các hình thức thể hiện, biểu đạt, tri thức, kỹ năng và kèm theo đó là những công cụ, đồ vật, đồ tạo tác và các không gian văn hóa có liên quan mà các cộng đồng, các nhóm người và trong một số trường hợp là các cá nhân, công nhận là một phần di sản văn hóa của họ. Được chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác, Di sản văn hóa phi vật thể được các cộng đồng và các nhóm người không ngừng tái tạo để thích nghi với môi trường và mối quan hệ qua lại giữa cộng đồng với tự nhiên và lịch sử của họ, đồng thời hình thành trong họ một ý thức về bản sắc và sự kế tục; qua đó khích lệ thêm sự tôn trọng đối với sự đa dạng văn hóa và tính sáng tạo của con người. Vì những mục đích của Công ước này, chỉ xét đến những Di sản văn hóa phi vật thể phù hợp với các văn kiện Quốc tế hiện hành về quyền con người cũng như những đòi hỏi về sự tôn trọng lẫn nhau giữa các cộng đồng, các nhóm người và cá nhân và phù hợp với những yêu cầu về phát triển bền vững".

3- Xem Mẫu hồ sơ và Hướng dẫn điền mẫu của UNESCO tại Phụ lục kèm theo.

4- Các tiêu chí lựa chọn di sản văn hóa phi vật thể lập hồ sơ trình UNESCO:

- a) Là di sản văn hóa phi vật thể đã được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia;
- b) Có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, khoa học;
- c) Thể hiện bản sắc văn hóa truyền thống độc đáo và là cơ sở cho sự sáng tạo những giá trị văn hóa mới;
- d) Có phạm vi và mức độ ảnh hưởng mang tính quốc gia và quốc tế về lịch sử, văn hóa, khoa học;
- đ) Đáp ứng tiêu chí lựa chọn của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO).

5- Xem mẫu đề nghị hỗ trợ quốc tế ICH-04 tại website của Cục Di sản văn hóa, mục Văn bản thế giới, Một số nội dung hướng dẫn và các mẫu hồ sơ: <http://www.dsvh.gov.vn>.

6- Tiêu chí Danh sách Khẩn cấp của UNESCO: [...U.2.

a) Loại hình di sản văn hóa phi vật thể này cần sự bảo vệ khẩn cấp bởi vì khả năng tồn tại của nó đang bị đe dọa, mặc dù có các nỗ lực bảo vệ của cộng đồng, nhóm người, trong một số trường hợp là các cá nhân và (các) quốc gia thành viên có liên quan (hoặc)

b) Loại hình di sản văn hóa phi vật thể này cần sự bảo vệ cực kỳ khẩn cấp bởi vì nó đang đối diện với các mối đe dọa nghiêm trọng mà hệ quả là nếu không được bảo vệ ngay lập tức thì sẽ không còn sống sót...]